

Số: 597 /TTr-VIMICO

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2021

**TỜ TRÌNH**

**V/v thông qua việc thay đổi ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty**

Kính gửi:    Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021  
                  Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP sửa đổi, bổ sung lần thứ ba được ban hành kèm theo Quyết định số 345/QĐ-VIMICO ngày 11/4/2018 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 về việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty như sau:

**1. Bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau :**

| STT | Tên ngành, nghề kinh doanh được bổ sung                                      | Mã ngành | Ghi chú |
|-----|--|----------|---------|
| 1   | Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp                        | 0210     |         |
| 2   | Khai thác gỗ   | 0220     |         |
| 3   | Dịch vụ ăn uống khác   | 5629     |         |
| 4   | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất            | 6820     |         |
| 5   | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác                                    | 0990     |         |
| 6   | Xây dựng công trình đường sắt  | 4211     |         |
| 7   | Xây dựng công trình đường bộ   | 4212     |         |
| 8   | Xây dựng công trình thủy   | 4291     |         |
| 9   | Xây dựng công trình khai khoáng  | 4292     |         |
| 10  | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo  | 4293     |         |
| 11  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                   | 4299     |         |
| 12  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ   | 4933     |         |
| 13  | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên | 7211     |         |



|    |   |      |  |
|----|---|------|--|
| 14 | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ | 7212 |  |
| 15 | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp           | 7214 |  |
| 16 | Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế  | 8610 |  |
| 17 | Hoạt động tư vấn quản lý  | 7020 |  |
| 18 | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu                               | 2599 |  |
| 19 | Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học   | 2731 |  |
| 20 | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác  | 2732 |  |
| 21 | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại   | 2733 |  |
| 22 | Sản xuất thiết bị điện khác   | 2790 |  |
| 23 | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu  | 8559 |  |

**2. Bỏ ngành, nghề kinh doanh sau:**

| STT | Tên ngành, nghề kinh doanh được bỏ khỏi danh sách đã đăng ký  | Mã ngành | Ghi chú |
|-----|---|----------|---------|
| 1   | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác   | 0990     |         |
| 2   | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ   | 4210     |         |
| 3   | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác  | 4290     |         |
| 4   | Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật (trừ loại nhà nước cấm và chỉ hoạt động sau khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) | 7210     |         |
| 5   | Giáo dục nghề nghiệp  | 8532     |         |
| 6   | Hoạt động của các bệnh viện, trạm xá  | 8610     |         |

**3. Ngành nghề SXKD của Tổng công ty sau khi điều chỉnh như sau:**

| STT | Tên ngành nghề  | Mã ngành |
|-----|---|----------|
| 1   | Sản xuất kim loại màu và kim loại quý (chính)         | 2420     |
| 2   | Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp | 0210     |
| 3   | Khai thác gỗ  | 0220     |
| 4   | Khai thác quặng sắt                                   | 0710     |
| 5   | Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt          | 0722     |
| 6   | Khai thác quặng kim loại quý hiếm                     | 0730     |
| 7   | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                       | 0810     |
| 8   | Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón          | 0891     |



|    |   |      |
|----|---|------|
| 9  | Sản xuất than cốc   | 1910 |
| 10 | Sản xuất hoá chất cơ bản  | 2011 |
| 11 | Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ   | 2012 |
| 12 | Sản xuất sản phẩm chịu lửa  | 2391 |
| 13 | Đúc kim loại màu  | 2432 |
| 14 | Sản xuất các cấu kiện kim loại  | 2511 |
| 15 | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại  | 2591 |
| 16 | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại  | 2592 |
| 17 | Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động  | 2814 |
| 18 | Sản xuất máy chuyên dụng khác   | 2829 |
| 19 | Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan  | 3211 |
| 20 | Sửa chữa máy móc, thiết bị  | 3312 |
| 21 | Sửa chữa thiết bị điện  | 3314 |
| 22 | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác  | 4520 |
| 23 | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình  | 4649 |
| 24 | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác   | 4659 |
| 25 | Bán buôn kim loại và quặng kim loại   | 4662 |
| 26 | Bán buôn tổng hợp   | 4690 |
| 27 | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh                            | 4773 |
| 28 | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày   | 5510 |
| 29 | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động  | 5610 |
| 30 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>(trừ loại nhà nước cầm và chỉ hoạt động sau khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) | 6810 |
| 31 | Điều hành tua du lịch   | 7912 |
| 32 | Sản xuất sắt, thép, gang  | 2410 |
| 33 | Dịch vụ ăn uống khác  | 5629 |
| 34 | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất   | 6820 |
| 35 | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác   | 0990 |
| 36 | Xây dựng công trình đường sắt   | 4211 |
| 37 | Xây dựng công trình đường bộ  | 4212 |
| 38 | Xây dựng công trình thủy  | 4291 |
| 39 | Xây dựng công trình khai khoáng   | 4292 |
| 40 | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo   | 4293 |
| 41 | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác  | 4299 |
| 42 | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ  | 4933 |
| 43 | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên  | 7211 |
| 44 | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ   | 7212 |



|    |   |      |
|----|---|------|
| 45 | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp   | 7214 |
| 46 | Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế  | 8610 |
| 47 | Hoạt động tư vấn quản lý  | 7020 |
| 48 | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu   | 2599 |
| 49 | Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học   | 2731 |
| 50 | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác  | 2732 |
| 51 | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại   | 2733 |
| 52 | Sản xuất thiết bị điện khác   | 2790 |
| 53 | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu  | 8559 |
| 54 | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.  | 7110 |
| 55 | Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng (trừ loại nhà nước cấm và chỉ hoạt động sau khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) | 8710 |

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét, thông qua./.

Trân trọng! *Đan*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP, TCLĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**  
**TỔNG CÔNG TY**  
**KHOÁNG SẢN - TKV**  
**VIMICO**  
**Nguyễn Văn Hải**

**CT.C.P**



Số: 617 /TTr-VIMICO

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2021

**TỜ TRÌNH****V/v thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty Khoáng sản - TKV**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021  
Tổng công ty Khoáng sản - TKV

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;


Căn cứ Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP sửa đổi, bổ sung lần thứ tư được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng công ty Khoáng sản - TKV thông qua ngày 14/4/2021,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty Khoáng sản - TKV.

(Dự thảo Quy chế và nội dung chi tiết kèm theo).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Tổng công ty Khoáng sản - TKV xem xét, thông qua./.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Lưu VP, TCLĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH****Nguyễn Văn Hải**



Số: /QĐ-VIMICO

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

**DỰ THẢO THEO  
TT 116**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị  
Tổng công ty Khoáng sản TKV- CTCP**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV-CTCP**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP sửa đổi, bổ sung lần thứ tư được ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-VIMICO ngày /2021 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP;

Căn cứ Nghị quyết số /NQ-VIMICO ngày tháng năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số /NQ-VIMICO ngày /2021 của Hội đồng Quản trị Tổng công ty về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Tổng công ty, Ban kiểm soát; Giám đốc các đơn vị trực thuộc, Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Tập đoàn TKV (b/c);
- ĐU, HĐQT, BKS Tcty;
- Ban GD, CĐ, ĐTN Tcty;
- Các Phòng, Ban Tcty;
- Các công ty con, đơn vị trực thuộc;
- Lưu VP, HĐQT, TCKT.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Hải**



Hà Nội, ngày      tháng      năm 2021

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ  
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV**

(Ban hành kèm theo Quyết định số:      /QĐ-VIMICO ngày      / /2021)

**CHƯƠNG I  
QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh:**

Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty Khoáng sản - TKV quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ VIMICO và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

**2. Đối tượng áp dụng:**

Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những người liên quan.

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

2.1. “*Tổng công ty*” là Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP, giấy chứng nhận đăng ký công ty cổ phần số 0100103087 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ sáu ngày 03/4/2018, được chấp thuận niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ngày 28/7/2016.

2.2. “*Quản trị Tổng công ty*” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Tổng công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Tổng công ty. Các nguyên tắc quản trị Tổng công ty bao gồm:

- Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
- Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Tổng công ty;
- Minh bạch trong hoạt động của Tổng công ty;
- Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện việc lãnh đạo và kiểm soát Tổng công ty một cách có hiệu quả.

2.3. *Hội đồng quản trị* do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý VIMICO (viết tắt là HĐQT);

2.4. “*Người có liên quan*” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong Khoản 46, Điều 4 của Luật Chứng khoán.



## **CHƯƠNG II**

### **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

#### **Điều 3. Vai trò của Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần và phải họp trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. HĐQT quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

#### **Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Tổng Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng Công ty và cổ đông Tổng Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổng Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Tổng Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc); Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- đ) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- e) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- g) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;



h) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

i) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết;

k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng công ty;

l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng Công ty;

n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng Công ty và chỉ định người thanh lý;

o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty;

p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

q) Tổng công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b, hoặc tại điểm c, Khoản 4 Điều 14 Điều lệ Tổng công ty.

2. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp

Tổng công ty chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;

3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

Tổng công ty có trách nhiệm công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Các nội dung khác được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và quy định của pháp luật chứng khoán.

4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng công ty và Ủy ban chứng khoán nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp Tổng công ty đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả



các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

#### 5. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông

Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm theo thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

#### 6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

6.1. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp cổ đông là tổ chức không có người đại diện theo ủy quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 16 Điều lệ Tổng công ty thì ủy quyền người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông. Đại diện được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông.

6.2. Việc chỉ định đại diện được ủy quyền phải được lập bằng văn bản theo mẫu của Tổng công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

- a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
- b) Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c) Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp;

6.3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).

6.4. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật; trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông



báo bằng văn bản đến Tổng công ty trong thời hạn sớm nhất. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của cổ đông;

b) Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại Tổng công ty;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo ủy quyền;

d) Số cổ phần được ủy quyền đại diện;

đ) Thời hạn đại diện theo ủy quyền;

e) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo ủy quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông.

6.5. Trường hợp quy định tại Khoản 6.3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền;

Tuy nhiên, quy định này sẽ không áp dụng nếu Tổng công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp nêu trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

6.6. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng trở thành cổ đông của Tổng công ty trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng đối với số cổ phần đã chuyển nhượng.

6.7. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

b) Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp;

c) Cổ đông là doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại Khoản 1, Điều 88 Luật doanh nghiệp không được cử: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng của người quản lý và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Tổng công ty làm người đại diện theo ủy quyền tại Tổng công ty;

6.8. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân thực hiện theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản lý của tổ chức cử người đại diện theo ủy quyền hoặc theo yêu cầu của cá nhân ủy quyền

6.9. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;



c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

#### 7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

Trước khi khai mạc cuộc họp, Tổng công ty phải tiến hành đăng ký cổ đông và phải thực hiện đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

#### 8. Điều kiện tiến hành

8.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

8.2. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất không có đủ số lượng đại biểu cần thiết theo quy định tại Khoản 8.1 Điều này, thì trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập họp lần thứ hai trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện từ 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

8.3. Trường hợp đại hội đồng cổ đông lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết theo quy định tại Khoản 8.2 Điều này thì trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất dự kiến phê chuẩn.

8.4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ VIMICO.

#### 9. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

9.1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

9.2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Tổng công ty;

b) Định hướng phát triển Tổng công ty (kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn);

c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Ban kiểm soát;

đ) Quyết định đầu tư, bán tài sản của Tổng công ty hoặc giao dịch mua do Tổng công ty thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

e) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;



g) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;

h) Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;

#### 10. Cách thức bỏ phiếu và kiểm phiếu

Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình của Đại hội. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được kiểm trước, số thẻ phản đối nghị quyết được kiểm sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.

Đại hội đồng cổ đông bầu trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa; Số thành viên của Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa.

Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp Đại hội để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

#### 11. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

11.1. Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần được chào bán của từng loại;

b) Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty về mô hình hoạt động được quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp;

d) Quyết định đầu tư, bán tài sản của Tổng công ty hoặc giao dịch mua do Tổng công ty hoặc chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

đ) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán;

e) Các hình thức tổ chức lại, giải thể Tổng công ty;

g) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Tổng công ty;

11.2. Nghị quyết về các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông (trừ các nội dung quy định tại mục 11.1, mục 11.3, mục 11.5 mục này) được thông qua khi có trên 50% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.



đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

14.2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp; phải được công bố trên website của Tổng công ty trong thời hạn 24 giờ kể từ ngày bế mạc cuộc họp, trường hợp Tổng công ty chưa có website thì phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

14.3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản, chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông.

14.4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

14.5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, các bản ghi chép, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp và chữ ký của các cổ đông dự họp, văn bản ủy quyền tham dự, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

14.6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

15. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và các quy định của pháp luật.

**Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản**

1. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản:

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản:

Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản sẽ thực hiện theo trình tự, thủ tục được quy định tại Điều 22 Điều lệ Tổng công ty và quy định của Luật Doanh nghiệp.

**Điều 7. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến**

1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: như quy định thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông tham dự trực tiếp đã được nêu tại Quy chế này.

2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: cổ đông sử dụng tài khoản truy cập để đăng nhập vào hệ thống và đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến theo quy định tại Quy chế này và hướng dẫn của



Tổng công ty.

3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: Theo hướng dẫn của Tổng công ty tại thời điểm thông báo cho cổ đông thực hiện việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

4. Điều kiện tiến hành: Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được tiến hành khi có số cổ đông dự họp trực tuyến đại diện trên 50% tổng số quyền biểu quyết.

5. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến: Thực hiện theo quy định tại Điều 21 của Điều lệ Tổng công ty và Luật Doanh nghiệp.

6. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến:

- Cổ đông thực hiện bỏ phiếu trực tuyến thông qua tài khoản truy cập và mã OTP để được đăng nhập vào website của Tổng công ty khi thực hiện biểu quyết.

- Cổ đông quyết định chọn biểu quyết bằng hình thức đánh dấu chọn vào 01 trong 03 ô tương ứng “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” đối với từng nội dung xin ý kiến của cổ đông trên hệ thống.

- Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến nhưng không thực hiện biểu quyết thì được hiểu là cổ đông đó bỏ phiếu “Không có ý kiến”.

7. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến: Ban kiểm phiếu căn cứ vào thông tin đăng nhập và thông tin biểu quyết của cổ đông để tổng hợp kết quả biểu quyết của từng cổ đông đối với từng vấn đề xin ý kiến.

8. Thông báo kết quả kiểm phiếu: Ban kiểm phiếu sẽ công bố ngay kết quả kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

9. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 22 của Điều lệ Tổng công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

10. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và các quy định của pháp luật chứng khoán.

**Điều 8. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến**

1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông: như quy định thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông tham dự trực tiếp đã được nêu tại Quy chế này.

2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông: cổ đông tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự trực tiếp tại địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông. Ngoài ra, Tổng công ty sẽ bố trí nhiều phòng họp tại địa điểm tổ chức để đón tiếp cổ đông tham dự cuộc họp, bảo đảm khoảng cách giữa các chỗ ngồi của cổ đông trong suốt cuộc họp. Màn hình chiếu và máy tính có kết nối mạng được chuẩn bị đầy đủ, đảm bảo đường truyền kết nối giữa các phòng ổn định, hình ảnh hiển thị, âm thanh chuẩn và đồng nhất giữa các phòng họp, mang đến sự liên kết cổ đông ở các phòng khác nhau.

3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông: Theo hướng dẫn của Tổng công ty tại thời điểm thông báo cho cổ đông thực hiện việc



ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

4. Điều kiện tiến hành: Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được tiến hành khi có số cổ đông dự họp trực tuyến đại diện trên 50% tổng số quyền biểu quyết.

5. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông: Thực hiện theo quy định tại Điều 21 của Điều lệ Tổng công ty và Luật Doanh nghiệp.

6. Cách thức bỏ phiếu:

- Đối với Cổ đông tham dự trực tiếp: Phiếu biểu quyết phải được cổ đông hoặc người được ủy quyền đánh dấu chéo (X) vào 01 (một) ô tương ứng: “tán thành”; “không tán thành”; “không có ý kiến” với mỗi nội dung đề nghị biểu quyết.

- Đối với Cổ đông tham dự trực tiếp kết hợp với trực tuyến tại các phòng họp khác nhau:

+ Cổ đông thực hiện bỏ phiếu trực tuyến thông qua tài khoản truy cập và mã OTP để được đăng nhập vào website của Tổng công ty khi thực hiện biểu quyết.

+ Cổ đông quyết định chọn biểu quyết bằng hình thức đánh dấu chọn vào 01 trong 03 ô tương ứng “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” đối với từng nội dung xin ý kiến của cổ đông trên hệ thống.

+ Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến nhưng không thực hiện biểu quyết thì được hiểu là cổ đông đó bỏ phiếu “Không có ý kiến”.

7. Cách thức kiểm phiếu: Ban kiểm phiếu căn cứ vào Phiếu biểu quyết và thông tin đăng nhập/thông tin biểu quyết trực tuyến của cổ đông để tổng hợp kết quả biểu quyết của từng cổ đông đối với từng vấn đề xin ý kiến.

8. Thông báo kết quả kiểm phiếu: Ban kiểm phiếu sẽ công bố ngay kết quả kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông trực tiếp kết hợp với trực tuyến.

9. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 23 của Điều lệ Tổng công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

10. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông:

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và các quy định của pháp luật chứng khoán.

### **CHƯƠNG III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Điều 9. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Tổng công ty phải chịu sự giám sát hoặc chỉ đạo thực hiện của HĐQT. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.



2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý, cán bộ điều hành khác trong việc quản lý, điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty.

3. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Tổng công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, HĐQT có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng công ty;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, cho nghỉ chế độ, quyết định mức lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Tổng giám đốc Tổng công ty và các chức danh cán bộ quản lý, cán bộ điều hành khác trên cơ sở Quy chế quản lý của Tổng công ty và theo đề nghị của Tổng giám đốc; Quyết định cử người đại diện thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác cùng với mức thù lao và lợi ích khác của những người đó. Tuy nhiên, việc bãi nhiệm các chức danh cán bộ quản lý, cán bộ điều hành Tổng công ty không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có).

d) Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác với tổng giá trị góp vốn, mua cổ phần dưới 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán theo đề nghị của Tổng giám đốc Tổng công ty;

đ) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty; quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện của Tổng công ty.

Đề xuất việc tổ chức lại, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Tổng công ty, đề xuất Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua theo thẩm quyền. Quyết định tổ chức lại, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, chuyển đổi Tổng công ty, quyết định Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua.

e) Giải quyết các khiếu nại của Tổng công ty đối với cán bộ quản lý, cán bộ điều hành cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Tổng công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý, cán bộ điều hành đó;

g) Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại; Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; Quyết định tiến độ huy động vốn điều lệ của Tổng Công ty; Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 133 Luật doanh nghiệp.

h) Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định



trước; Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

i) Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

k) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Điều lệ này và Luật doanh nghiệp;

l) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

m) Chấp thuận các hợp đồng và giao dịch được ký giữa Tổng công ty và những đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 167 Luật Doanh nghiệp có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán, trừ hợp đồng và giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Người đại diện Tổng công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên HĐQT, BKS về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó, đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo, thành viên HĐQT có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

n) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty đã được kiểm toán. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm r, Khoản 2 Điều 15 Điều lệ VIMICO, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp.

o) Quyết định đầu tư, bán tài sản của Tổng công ty có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán.

p) Quyết định hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị bằng hoặc nhỏ hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa Tổng công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

q) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định.

r) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị tổng Công ty lên Đại hội đồng cổ đông.

s) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông biết việc HĐQT bổ nhiệm Tổng Giám đốc.

t) Được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và của các đơn vị trong Tổng Công ty.

u) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a) Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Tổng Công ty; thành lập các Công ty con của Tổng Công ty (nếu có);

b) Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 153 của Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điểm d, Khoản 2 Điều 138 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn,



Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Tổng Công ty.

c) Việc chỉ định và bãi nhiệm những người được Tổng Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và luật sư của Tổng Công ty;

d) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Tổng Công ty;

đ) Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách hoặc vượt quá giá trị kế hoạch; hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

e) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp của Tổng Công ty quy định tại điểm d, khoản 3 Điều này và điểm n, khoản 2 Điều 15 tại những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

g) Việc định giá các tài sản góp vào Tổng Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Tổng Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

h) Việc Tổng Công ty mua lại hoặc thu hồi không quá 10% cổ phần theo từng loại của Tổng công ty, bao gồm cả mức giá mua hoặc thu hồi;

i) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà HĐQT quyết định cần phải có sự chấp thuận của các thành viên HĐQT trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

k) Quyết định mức giá mua lại, thu hồi cổ phần hoặc giá bán cổ phần của Tổng Công ty.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

6. HĐQT có thể ủy quyền cho viên chức cấp dưới và các cán bộ quản lý, cán bộ điều hành đại diện xử lý công việc thay mặt cho Tổng công ty, trừ khi luật pháp có quy định khác.

7. HĐQT thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết.

8. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, HĐQT tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Tổng Công ty gây thiệt hại cho Tổng Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Tổng công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

**Điều 10. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị



- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn.

- Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Tổng công ty.

Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

## 2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

### a. Cơ cấu thành viên HĐQT

- Đối với Tổng công ty khi chưa niêm yết: Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

- Đối với Tổng công ty khi niêm yết: Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

- Cơ cấu Hội đồng quản trị đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và có xét yếu tố về giới tính.

b. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty, trừ trường hợp Điều lệ VIMICO có quy định khác;

- Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

- Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

c. Trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác, thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không phải là người đang làm việc cho Tổng công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Tổng công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Tổng công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;



- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Tổng công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Tổng công ty; là người quản lý của Tổng công ty hoặc công ty con của Tổng công ty;
- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty;
- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Tổng công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

d. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại điểm b, khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

### 3. Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

- Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- + Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- + Trình độ học vấn;
- + Trình độ chuyên môn;
- + Quá trình công tác;
- + Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
- + Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Tổng công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty;
- + Các lợi ích có liên quan tới Tổng công ty (nếu có);
- + Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- + Các thông tin khác (nếu có).
- Giới thiệu, đề cử vào Hội đồng quản trị

Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một



(01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

- Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Tổng công ty quy định tại Quy chế này. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

#### 4. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị;

Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng công ty.

#### 5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

- Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

+ Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;

+ Có đơn từ chức và được chấp thuận;

- Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

+ Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

+ Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp;

+ Trừ trường hợp quy định nêu tại khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

#### 6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ và các quy định của Luật Doanh nghiệp.

#### 7. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị



Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 25 Điều lệ Tổng công ty. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

8. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty không được kiêm chức vụ Tổng Giám đốc.

#### **Điều 11. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Các thành viên HĐQT (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình với tư cách là thành viên HĐQT. Tổng mức thù lao của Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thù lao của thành viên HĐQT được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Tổng số tiền trả cho các thành viên HĐQT bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác mà thành viên HĐQT là đại diện phân vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Tổng công ty.

3. Thành viên HĐQT nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch HĐQT), hoặc thành viên HĐQT làm việc tại các tiểu ban của HĐQT, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của HĐQT là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên HĐQT, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.

4. Thành viên HĐQT được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình, kể cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng, hoặc các tiểu ban của HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 12. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị**

1. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm: Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.

2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường:

Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình



bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

- Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người điều hành khác;
- Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- Các trường hợp khác do Điều lệ Tổng công ty quy định.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

### 3. Thông báo họp Hội đồng quản trị

- Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày tổ chức họp, đồng thời có thể gửi Tổng Giám đốc Tổng công ty không phải là thành viên HĐQT; các thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp HĐQT và các phiếu biểu quyết của thành viên HĐQT.

- Thông báo mời họp được gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được đăng ký tại Tổng công ty.

### 4. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát

Tham dự các cuộc họp của HĐQT theo giấy mời, phát biểu ý kiến nhưng không được tham gia biểu quyết.

### 5. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

Điều kiện tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Điều lệ Tổng công ty.

6. Cách thức biểu quyết: Cách thức biểu quyết được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Điều lệ Công ty.

7. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị: Cách thức thông qua Nghị quyết (Quyết định) của Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Điều lệ Công ty.

8. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị: Thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

9. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị: Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu theo khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Công ty theo các quy định của pháp luật và Điều lệ.

10. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị:

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng



nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp thì Biên bản họp Hội đồng quản trị có hiệu lực.

**11. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị thông báo các nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp trong vòng bốn mươi tám (48) giờ kể từ ngày nghị quyết được thông qua; và Tổng công ty công bố thông tin ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế này.

**Điều 13. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm soát nội bộ. Thành viên của tiểu ban có ít nhất ba (03) người, bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị độc lập/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các hành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty.

**Điều 14. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty**

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị Tổng công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Tổng công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị Tổng công ty kiêm nhiệm làm Thư ký Tổng công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị Tổng Công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

2. Người phụ trách quản trị Tổng Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a) Có hiểu biết về pháp luật;
- b) Không được đồng thời làm việc cho Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty;
- c) Am hiểu hoạt động kinh doanh và quản trị nội bộ của Tổng công ty; Có khả năng tổng hợp, sử dụng thành thạo tin học, và các thiết bị văn phòng.
- d) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ VIMICO và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Tổng công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

4. Người phụ trách quản trị Tổng công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Tổng công ty và cổ đông;



- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- g) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- h) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về hoạt động công bố thông tin của Tổng Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ VIMICO;
- k) Được hưởng thù lao (phụ cấp) theo Quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty và/hoặc theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- l) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ VIMICO.

#### **CHƯƠNG IV BAN KIỂM SOÁT**

**Điều 15. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.**

Ban kiểm soát có quyền hạn và nhiệm vụ theo quy định tại Điều 170 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

**Điều 16. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát**

1. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát

- Số lượng Kiểm soát viên của Tổng công ty là ba (03) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi miễn. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 năm; Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

- Các Kiểm soát viên phải bầu một Kiểm soát viên làm Trưởng ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

- + Triệu tập và chủ trì cuộc họp Ban kiểm soát;
- + Yêu cầu HĐQT, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý, điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;
- + Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông;

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và không thuộc các trường hợp sau:



- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

### 3. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

a- Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Ban kiểm soát được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Kiểm soát viên. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- Trình độ học vấn;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ Kiểm soát viên và các chức danh quản lý, điều hành khác;
- Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Tổng công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là Kiểm soát viên của Tổng công ty;
- Các lợi ích có liên quan tới Tổng Công ty (nếu có);
- Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- Các thông tin khác (nếu có).

### b- Giới thiệu, đề cử vào Ban kiểm soát.

Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% trở lên được đề cử đủ ba (03) ứng viên.

c- Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tổng công ty quy định tại quy chế này. Thủ tục và cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

### 4. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát;

Việc bầu thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo Điều 39 của Điều lệ Tổng công ty và quy định của Luật doanh nghiệp.

### 5. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Kiểm soát viên đó bị pháp luật cấm làm Kiểm soát viên hoặc không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp.

b) Kiểm soát viên đó có đơn từ chức được gửi đến trụ sở chính Tổng công ty và được chấp thuận;

c) Kiểm soát viên đó bị rối loạn tâm thần và các Kiểm soát viên khác có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;



d) Kiểm soát viên đó không thực hiện nghĩa vụ của mình, vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép Kiểm soát viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng;

đ) Kiểm soát viên đó bị bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông do không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

e) Không còn là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

g) Là đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Tổng công ty nữa.

h) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty.

6. Kiểm soát viên có thể được thay thế khi có chỗ trống bất ngờ phát sinh. Kiểm soát viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc thay thế Kiểm soát viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Ban kiểm soát thay thế. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên mới được tính từ ngày việc thay thế có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Trong trường hợp Kiểm soát viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Ban kiểm soát cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của Kiểm soát viên thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

7. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Tổng công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và bãi nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.

8. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

9. Tiền lương hoặc mức thù lao và chi phí hoạt động cho Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quy định và được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí đi lại, ăn, ở, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

## **CHƯƠNG V TỔNG GIÁM ĐỐC**

### **Điều 17. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.



2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 05 năm trừ khi HĐQT có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại Hợp đồng lao động (nếu có).

3. Tổng giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư, dự án đầu tư của Tổng công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức, trích lập các quỹ hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty, hợp đồng lao động ký với Tổng công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Tổng công ty.

#### **Điều 18. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc**

1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng giám đốc

- Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 05 năm trừ khi HĐQT có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại Hợp đồng lao động (nếu có).

- Tiêu chuẩn.

+ Tổng Giám đốc Tổng công ty phải có tiêu chuẩn theo Điều 64 Luật doanh nghiệp và không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

+ Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật.

2. Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc

a. Việc ứng cử, đề cử Tổng giám đốc được thực hiện tương tự quy định



khoản 1 và khoản 2 Điều 274 Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán.

b. Hội đồng quản trị quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc trong các trường hợp sau:

- Có đơn từ nhiệm chức danh hoặc chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng công ty;

- Không hoàn thành nhiệm vụ trong thời gian hai (2) năm liên tục;

- Có các thái độ và hành vi trong tiến trình làm việc, mà theo đánh giá của Hội đồng quản trị là gây ảnh hưởng tiêu cực đáng kể đến Tổng công ty;

- Không đảm bảo các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Quy chế này hoặc vi phạm các quy định về quyền và nhiệm vụ của Tổng giám đốc quy định tại Điều lệ, Quy chế này, và các quy chế quản lý nội bộ khác của Tổng công ty;

3. Bỏ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc

- Hội đồng quản trị bỏ nhiệm một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc Tổng công ty.

- Tổng công ty ký hợp đồng lao động với Tổng giám đốc theo các quy định của pháp luật lao động.

4. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng giám đốc

- Tổng công ty thực hiện miễn nhiệm Tổng giám đốc theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 19 của Quy chế này.

- Tổng công ty chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng giám đốc theo các quy định của pháp luật lao động.

5. Thông báo bỏ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị thông báo về việc bỏ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc theo các quy định của pháp luật lao động, chứng khoán và đăng tải quyết định bỏ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc lên trang điện tử của Tổng công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi Hội đồng quản trị thông qua quyết định.

6. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc.

Hội đồng quản trị quyết định tiền lương và các lợi ích khác của Tổng giám đốc.

## **CHƯƠNG VI**

### **CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH**

**Điều 19. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc**

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

- Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc cùng họp trao đổi công việc với nhau thông qua cuộc họp theo các quy định tại Điều lệ Tổng công ty và Quy chế này.

- Chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày dự kiến họp, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải gửi Thư mời họp đến các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc. Thư mời họp phải có thời gian, địa điểm, chương trình, nội dung cuộc họp và đính kèm các tài liệu liên quan đến các nội dung thảo luận



tại cuộc họp.

- Cuộc họp chỉ được tiến hành khi có ít nhất một nửa số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc. Cuộc họp do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa và Thư ký Tổng công ty là thư ký cuộc họp.

- Thê thức tiến hành cuộc họp tương tự như cuộc họp Hội đồng quản trị đã được qui định tại Quy chế này.

- Tất cả các ý kiến thảo luận của thành viên dự họp phải được Thư ký Tổng công ty ghi chép đầy đủ và lập thành Biên bản cuộc họp tương tự như Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị đã được quy định tại Quy chế này.

- Kết quả cuộc họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc phải được thông báo đến thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc, và thành viên Ban điều hành chậm nhất là ba (03) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

- Thư mời họp, các tài liệu liên quan đến các nội dung thảo luận tại cuộc họp và Biên bản cuộc họp phải được lưu giữ tại Tổng công ty theo các qui định lưu giữ tài liệu của Tổng công ty.

2. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát

Hội đồng quản trị thông báo nghị quyết, quyết định cho Ban Kiểm soát chậm nhất một (01) ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị ký Nghị quyết, quyết định.

3. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng giám đốc

Hội đồng quản trị thông báo Nghị quyết, quyết định cho Tổng giám đốc chậm nhất một (01) ngày làm việc kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị ký Nghị quyết, quyết định.

d) Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc có quyền đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị bằng cách gửi văn bản theo trình tự được quy định như trình tự triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị. Đề nghị triệu tập phải nêu rõ vấn đề cần xin ý kiến, cơ sở cho việc cần xin ý kiến và các tài liệu đính kèm, nếu có; và gửi cho Chủ tịch Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày tổ chức cuộc họp.

4. Báo cáo của Tổng giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

- Khi thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu Tổng giám đốc phát hiện các vấn đề không có lợi cho Tổng công ty thì phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị để xem xét điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Nếu Hội đồng quản trị không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng giám đốc vẫn phải thực hiện, nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên Ủy ban kiểm toán Tổng công ty.

- Ngoài những công việc phải trình Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc có quyền chủ động điều hành hoạt động của Tổng công ty theo các quy định phân cấp và phù hợp với quy trình làm việc được Hội đồng quản trị ban hành; được quyết định các biện pháp xử lý vượt quá thẩm quyền trong những trường hợp



khẩn cấp như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố... nhưng phải thông báo ngay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị.

5. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc

Tổng giám đốc có trách nhiệm đánh giá và kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết, quyết định và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị định kỳ trong vòng 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý.

6. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

Tổng giám đốc có quyền chủ động điều hành hoạt động của Tổng công ty theo các quy định phân cấp và phù hợp với quy trình làm việc được Hội đồng quản trị ban hành; được quyết định các biện pháp xử lý vượt quá thẩm quyền trong những trường hợp khẩn cấp như thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố... nhưng phải thông báo ngay cho Chủ tịch Hội đồng quản trị.

7. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

Bất kỳ khi nào xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị, các Tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị có thể yêu cầu Tổng giám đốc, thành viên Ban điều hành báo cáo, giải trình về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị bằng cách thông báo trước bằng thư điện tử hoặc bằng văn bản cho người được yêu cầu báo cáo, giải trình ít nhất ba (03) ngày làm việc. Yêu cầu phải nêu rõ các nội dung cần báo cáo, giải trình, thời gian và địa điểm thực hiện việc báo cáo, giải trình.

**Điều 20. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác**

- Hội đồng quản trị quyết định, trong cuộc họp đầu tiên của năm tài chính, các nội dung, tiêu chí và phương pháp đánh giá hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị. Việc đánh giá hiệu quả hoạt động của Tổng giám đốc và thành viên Ban điều hành được thực hiện theo các quy chế quản lý nội bộ khác của Tổng công ty.

- Thời gian tổ chức cuộc họp đánh giá hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị phải trong tháng 12 của năm tài chính nhưng chỉ sau khi Tổng công ty đã ước tính kết quả kinh doanh của Tổng công ty trong năm tài chính.

- Kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị phải được Chủ tịch Hội đồng quản trị thông báo cho tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc họp đánh giá.

- Hội đồng quản trị quyết định việc khen thưởng và kỷ luật thành viên Hội đồng quản trị theo các quy định của Quy chế này. Việc khen thưởng và kỷ luật Tổng giám đốc và thành viên Ban điều hành được thực hiện theo các quy chế quản lý nội bộ khác của Tổng công ty.

- Các hình thức khen thưởng bao gồm khen thưởng bằng văn bản có kèm hoặc không kèm hiện vật. Mức thưởng bằng hiện vật do Hội đồng quản trị quyết định tại cuộc họp xem xét việc khen thưởng. Tiền khen thưởng được trích từ



tổng mức tiền thưởng hàng năm của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

- Các hình thức kỷ luật bao gồm khiển trách bằng văn bản, cảnh cáo bằng văn bản, và đề nghị Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm.

- Kết quả khen thưởng, kỷ luật thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo cho tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc trong vòng ba (03) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp khen thưởng, kỷ luật.

#### **Điều 21. Hiệu lực thi hành**

Quy chế này gồm 6 Chương, 21 Điều có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

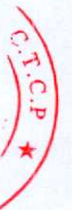
1. Những nội dung khác về chế độ làm việc của HĐQT, nếu chưa được đề cập đến trong Quy chế này, sẽ được thực hiện theo các quy định có liên quan của Pháp luật, Điều lệ và các văn bản khác của Tổng công ty.

2. Các thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Tổng công ty và bộ máy quản lý, điều hành Tổng công ty có trách nhiệm thi hành Quy chế này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm ký và công bố Quy chế này./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Hải**





Số: 596 /TTr-VIMICO

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2021

**TỜ TRÌNH**

**V/v thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị  
Tổng công ty Khoáng sản - TKV**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021  
Tổng công ty Khoáng sản - TKV

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP sửa đổi, bổ sung được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng công ty Khoáng sản - TKV thông qua.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản - TKV (*Dự thảo Quy chế và nội dung chi tiết kèm theo*).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Tổng công ty Khoáng sản - TKV xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VP, TCLĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Hải**



Số: /QĐ-VIMICO

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

**DỰ THẢO THEO  
TT 116**

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị  
Tổng công ty Khoáng sản TKV- CTCP**

## **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV-CTCP**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP sửa đổi, bổ sung lần thứ tư được ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-VIMICO ngày /2021 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP;

Căn cứ Nghị quyết số /NQ-VIMICO ngày tháng năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;

Căn cứ Nghị quyết số /NQ-VIMICO ngày /2021 của Hội đồng Quản trị Tổng công ty về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Tổng công ty, Ban kiểm soát; Giám đốc các đơn vị trực thuộc, Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp khác chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Tập đoàn TKV (b/c);
- ĐU, HĐQT, BKS Tcty;
- Ban GD, CĐ, ĐTN Tcty;
- Các Phòng, Ban Tcty;
- Các công ty con, đơn vị trực thuộc;
- Lưu VP, HĐQT, TCKT.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Hải**



Hà Nội, ngày tháng năm 2021

**QUY CHẾ  
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN-TKV**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-VIMICO ngày / /2021)

**CHƯƠNG I  
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh:**

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ VIMICO và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**2. Đối tượng áp dụng:**

Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

**Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Tổng công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

**Chương II  
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ VIMICO, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của các đơn vị trong Tổng công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ VIMICO và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tổng công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;



c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tổng công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

#### **Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Tổng công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty và của đơn vị trong Tổng công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ VIMICO quy định.

#### **Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 5 người. Số thành viên Hội đồng quản trị độc lập hoặc không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ VIMICO có quy định khác.

4. Điều lệ VIMICO quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

#### **Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:



a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty, trừ trường hợp Điều lệ VIMICO có quy định khác;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Tổng công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;

đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ VIMICO.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Tổng công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Tổng công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Tổng công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Tổng công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Tổng công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Tổng công ty; là người quản lý của Tổng công ty hoặc công ty con của Tổng công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Tổng công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ VIMICO.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.



## **Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ VIMICO.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ VIMICO. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ Tổng công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;



đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ VIMICO.

**Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Tổng công ty và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ VIMICO.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không đảm bảo tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 7 Quy chế này;

b) Vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 6 tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

c) Bị bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

e) Bị cơ quan Nhà nước xác định là vi phạm nghiêm trọng các quy định về công khai các lợi ích có liên quan và nghĩa vụ của thành viên HĐQT;

g) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ VIMICO và quy định của pháp luật;

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ VIMICO. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

**Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm



giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 50% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên, việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ VIMICO, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ VIMICO. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ VIMICO.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

#### **Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến



ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ VIMICO;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

### **Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ VIMICO và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;



h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất của Tổng công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ VIMICO quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng công ty; yêu cầu phá sản Tổng công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Tổng công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ VIMICO.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ VIMICO quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ VIMICO gây thiệt hại cho Tổng công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường



hợp này, cổ đông của Tổng công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

**Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch**

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ VIMICO giữa Tổng công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Tổng công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Tổng công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

**Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường**

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ VIMICO.

**2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường**

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn (30) ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành



viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ VIMICO hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

#### **Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có thể một hoặc nhiều thành viên (tối thiểu là 03 người) bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ VIMICO, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty.

### **Chương IV CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội



đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ VIMICO quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ VIMICO quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;



b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ VIMICO.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số (trên 50%) thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

#### **Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị**

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian, địa điểm họp;

c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.



4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

## **Chương V** **BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH**

### **Điều 17. Trình báo cáo hàng năm**

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Tổng công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Tổng công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ VIMICO không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Tổng công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

### **Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Tổng công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Tổng công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực



hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ VIMICO.

#### **Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan**

Trường hợp Điều lệ VIMICO không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Tổng công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải kê khai cho Tổng công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tổng công ty trong thời hạn (07) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Tổng công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Tổng công ty.

### **Chương VI MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị**

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có



liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ VIMICO và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

#### **Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành**

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

#### **Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán**

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

### **Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 23. Sửa đổi và bổ sung quy chế**

1. Việc sửa đổi, bổ sung quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trên cơ sở đề nghị của các thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng công ty.

#### **Điều 24. Hiệu lực thi hành**

Quy chế này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

1. Những nội dung khác về chế độ làm việc của HĐQT, nếu chưa được đề cập đến trong Quy chế này, sẽ được thực hiện theo các quy định có liên quan của Pháp luật, Điều lệ và các văn bản khác của VIMICO.



2. Các thành viên HĐQT, Tổng giám đốc VIMICO và bộ máy quản lý, điều hành VIMICO có trách nhiệm thi hành Quy chế này.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm ký và công bố Quy chế này./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Hải**





**Mẫu số 01/HĐQT- VIMICO**

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP  
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../BC-VIMICO

Hà Nội, ngày      tháng      năm

**BÁO CÁO  
CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN  
V/v: .....**

Tại cuộc họp ...của HĐQT (ĐHĐCĐ)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
- Căn cứ Điều lệ VIMICO được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày.../.../...
- Căn cứ đề nghị của ..... tại .....
- Sau khi tham khảo ý kiến của .....

**BÁO CÁO**

1. ....
2. ....
3. ....

Trình hội nghị HĐQT (ĐHĐCĐ) xem xét thông qua.  
*Tài liệu tham chiếu kèm theo.*

Nơi nhận:

- .....
- .....
- Lưu: HĐQT, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

★ C.P ★



**Mẫu số 02/HĐQT-VIMICO**

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP  
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  
**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../BB-VIMICO

Hà Nội, ngày      tháng      năm

**BIÊN BẢN HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

I. Thời gian, địa điểm họp: ...

II. Hình thức họp: ...

III. Thành phần.

Các thành viên HĐQT gồm các ông:

1. Ông ... - Chủ tịch Hội đồng quản trị;
2. Ông ... - Thành viên Hội đồng quản trị
- 3.

Mời tham dự:

1. Ông ... - Đại diện Ban Kiểm soát;
- Chủ trì cuộc họp: ...
- Thư ký cuộc họp: ...

IV. Nội dung cuộc họp:

**DIỄN BIẾN CUỘC HỌP**

1. Nội dung

Xét Tờ trình số ..... về việc...

2. Thảo luận

- Ý kiến:...

3. Nghị quyết

HĐQT nhất trí thông qua.....

gồm các nội dung với các chỉ tiêu và số liệu sau:

3.1.....

3.2.....

Căn cứ Nghị quyết, giao cho Chủ tịch HĐQT (BKS, Tổng giám đốc...)

.....tổ chức thực hiện .....

4. Biểu quyết

- Tán thành: Các Thành viên nhất trí thông qua với tỷ lệ ...%.
- Không tán thành: ...
- Ý kiến khác: ...

Kết luận: Các Thành viên HĐQT biểu quyết nhất trí với tỷ lệ ...% về các nội dung nêu trên.

Các Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các phòng/ban liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết đã thông qua tại Biên bản này.



Biên bản được lập vào hồi ....cùng ngày, tất cả các thành viên HĐQT có mặt tại cuộc họp đều nhất trí thông qua./.

**THÀNH VIÊN HĐQT**

- 1.
- 2.
- 3.
- 4.

**CHỦ TỊCH HĐQT**

**THƯ KÝ HĐQT**

*Nơi nhận:*

- .....

- .....

- Lưu: HĐQT, VP.



**Mẫu số 03/HĐQT-VIMICO**

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP  
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../NQ-VIMICO

Hà Nội, ngày      tháng      năm

**NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động ...

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số .... của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản - TKV ngày ...,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Hội đồng quản trị thống nhất phê duyệt/thông qua gồm các nội dung với các chỉ tiêu và số liệu sau:

1.1.....

1.2.....

2. Nhất trí thông qua..... gồm

các

nội dung với các chỉ tiêu và số liệu sau:

1.1.....

1.2.....

3. Giao cho Chủ tịch HĐQT ( BKS, Tổng giám đốc...) .....tổ chức thực hiện .....

**Điều 2.** Các Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các phòng/ban liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

**THÀNH VIÊN HĐQT**

**CHỦ TỊCH HĐQT**

1.

2.

3.

4.

**THƯ KÝ HĐQT**

Nơi nhận:

- .....

- Lưu: HĐQT, VP.



**Mẫu số 04/HĐQT-VMICO**

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP  
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  
TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHIẾU TRƯNG CẦU Ý KIẾN**

Người trưng cầu: .....

Chủ đề: .....

**NỘI DUNG**

**A. Phần chung**

|                     |  |
|---------------------|--|
| Đối tượng           |  |
| Họ và tên           |  |
| Mã số               |  |
| Ngày yêu cầu        |  |
| Tài liệu tham chiếu |  |
| Người cung cấp      |  |
| Ngày nhận ý kiến    |  |
| Người tiếp nhận     |  |

**B. Phần ý kiến**

|                |       |
|----------------|-------|
| Đồng ý         | ..... |
| Không đồng ý   |       |
| Ý kiến bổ sung |       |

Người nhận

Nhận ngày...../...../...

**NGƯỜI THAM GIA Ý KIẾN**

....., ngày.....tháng.....năm ...



**Mẫu số 05/HĐQT-VIMICO**

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP  
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM  
**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN - TKV**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../BB-VIMICO

Hà Nội, ngày      tháng      năm

**BIÊN BẢN TỔNG HỢP  
Ý KIẾN CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
V/v: Các nội dung thảo luận tại phiên họp thứ.....  
Ngày ...../...../....

**A. Phần chung**

Các chủ đề thảo luận

- 1.
- 2.
- 3.

.....

**B. Phần tổng hợp ý kiến**

| Chủ đề        | Đồng ý | Không đồng ý | Ý kiến bổ sung khác |
|---------------|--------|--------------|---------------------|
| 1. Nội dung 1 |        |              |                     |
| 2. Nội dung 2 |        |              |                     |
| 3. Nội dung 3 |        |              |                     |
| 4. Nội dung 4 |        |              |                     |
| 5. Nội dung 5 |        |              |                     |

**THƯ KÝ HĐQT**

**CHỦ TỊCH HĐQT**





Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2021

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021  
Tổng công ty Khoáng sản - TKV

Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên Tổng công ty năm 2016;

Căn cứ tình hình thực hiện dự án Mở rộng nâng công suất nhà máy luyện đồng Lào Cai;

Hội đồng quản trị báo cáo một số nội dung về tình hình thực hiện và các thay đổi điều chỉnh của Dự án và Hợp đồng thực hiện gói thầu số 8 của dự án như sau:

**I. Thông tin chung****I.1 Thông tin về dự án**

1. Tên dự án: Mở rộng nâng công suất nhà máy luyện đồng Lào Cai.
2. Chủ đầu tư: Tổng công ty Khoáng sản - TKV.
3. Tổ chức tư vấn lập dự án: Liên danh Công ty hữu hạn thiết bị điện cơ kim loại màu Bắc Kinh, Trung Quốc (CNFC) - Công ty hữu hạn kỹ thuật công trình ENFI Trung Quốc và Công ty cổ phần thiết kế công nghiệp Hóa chất (Việt Nam).
4. Mục tiêu chính: Xây dựng mới một dây chuyền sản xuất đồng kim loại công suất 20.000 tấn đồng kim loại/năm.
5. Quy mô, công suất: Xây dựng mới một dây chuyền luyện đồng công suất 20.000 tấn đồng kim loại/năm và thu hồi các sản phẩm đi kèm như: Axit sunfuric, vàng, bạc.
6. Nội dung đầu tư chính/các hạng mục đầu tư chính: Xưởng hòa luyện, xưởng thủy luyện, xưởng vớt tuyển xi; hệ thống thu khói bụi; Xưởng sản xuất axit sunfuric; xưởng xử lý axit bản.
7. Địa điểm dự án: Xã Bản Qua, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.
8. Diện tích sử dụng đất: 542.465m<sup>2</sup>.
9. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án thông qua Ban quản lý dự án.
10. Các mốc thời gian về dự án:
  - Ngày phê duyệt dự án: Quyết định số 2738/QĐ - TKV ngày 24/12/2014; Quyết định phê duyệt điều chỉnh Tổng mức đầu tư xây dựng số 1633/QĐ-TKV ngày 19/8/2015.
  - Giấy chứng nhận đầu tư số: 12 121 000 453 ngày 13/02/2015
  - Tháng 3/2015: Khởi công dự án.
  - Hoàn thành vào hoạt động: Tháng 7/2017.
11. Tổng mức đầu tư: 3.927,534 tỷ đồng



Trong đó:

- Chi phí xây dựng : 859,773 tỷ đồng;
- Chi phí thiết bị : 1.825,895 tỷ đồng;
- Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư : 34,269 tỷ đồng;
- Chi phí quản lý dự án : 31,703 tỷ đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng : 234,984 tỷ đồng;
- Chi phí khác : 409,603 tỷ đồng;
- Chi phí dự phòng : 531,307 tỷ đồng.

12. Nguồn vốn đầu tư:

- Vốn vay : 2.886,007 tỷ đồng;
- Vốn chủ sở hữu : 721,502 tỷ đồng;
- Vốn huy động khác : 320,025 tỷ đồng;

### **I.2 Tình hình thực hiện và các biến động trong quá trình thực hiện**

Ngay sau khi được thẩm duyệt và cấp Giấy chứng nhận đầu tư, Dự án đã được triển khai theo kế hoạch. Đến nay, tình hình thực hiện tại công trường của dự án như sau:

- Luỹ kế giá trị khối lượng thực hiện đạt trên 2.934 tỷ đồng; giá trị đã giải ngân là trên 1.795 tỷ đồng.

- Công trình chính đã cơ bản hoàn thành trên 90% khối lượng XD; khối lượng còn lại chủ yếu là phần xây dựng sau khi đưa thiết bị vào và phần việc hoàn thiện (chèn móng, sơn, vệ sinh CN, ..) công trình. Trong thời gian tới các đơn vị thi công Xây dựng sẽ phối hợp để Lắp đặt thiết bị và hoàn thiện công trình.

- Phần vật tư thiết bị: Đã về công trường đạt trên 80% Giá trị khối lượng thiết bị nhập khẩu; Hiện nay còn gần 10% thiết bị đang ở các tỉnh nội địa Trung Quốc, chưa đưa về công trường được; Nhà thầu NFC cam kết sẽ đưa về công trường trước 30/3/2021.

- Phần việc Lắp đặt: Đã đưa trên 90% số đầu mục thiết bị có tại hiện trường vào vị trí lắp đặt; đã hoàn thành trên 70 % khối lượng Lắp đặt.

- Các công trình phụ trợ (Kho bãi, hạ tầng giao thông, ...) đã cơ bản hoàn thành; cảnh quan cây xanh, Môi trường đang được triển khai.

Thời gian thực hiện đã được phê duyệt: Đưa vào chạy thử trong quý 3/2021.

Kế hoạch mục tiêu Tổng công ty: Hoàn thành lắp đặt để chạy thử trong quý 2/2021.

Trong quá trình thực hiện dự án có nhiều biến động ảnh hưởng đến thời gian thực hiện như sau:

1) Dự án triển khai trong giai đoạn có biến động về kinh tế, Nhà nước ban hành các quy định mới về công tác đầu tư, xây dựng cơ bản, ... dự án đã phải thực hiện thủ tục điều chỉnh Tổng mức đầu tư (19/8/2015).

2) Trong quá trình thực hiện, phải tạm dừng hoạt động trên mặt bằng để thu hồi khoáng sản quặng Apatit theo yêu cầu của cấp thẩm quyền; việc khai thác quặng kéo dài từ tháng 01/2016 đến ngày 09/02/2018) nên đã ảnh hưởng đến tiến độ dự án (chậm 02 năm).

3) Nguồn điện phục vụ dự án đã được Bộ công thương quy hoạch. Tuy nhiên, Trạm biến áp 110 kV cấp điện cho nhà máy đã xây dựng cơ bản hoàn thành; việc thoả



thuận đầu nổi vướng mắc kéo dài và CĐT phải thực hiện đầu tư xây dựng đường dây đầu nổi cấp điện vào TBA 110 kV.

4) Tỉnh Lào Cai bổ sung quy hoạch xây dựng Cửa khẩu Bản Vược và cầu qua sông hồng; đất của dự án bị cắt giảm một phần diện tích (cắt giảm khoảng 10 ha); Dự án cần phải điều chỉnh quy hoạch tỷ lệ 1/500, điều chỉnh thiết kế cơ sở và thiết kế xây dựng. Việc bổ sung quy hoạch làm cho dự án phải thực hiện nhiều thủ tục điều chỉnh, làm kéo dài thời gian thực hiện dự án.

5) Đại dịch Covid-19 diễn ra trong những tháng đầu năm 2020, đã tái bùng phát và đang diễn biến phức tạp, là điều kiện bất khả kháng tác động tiêu cực đến thời gian tiến độ thực hiện Dự án; Nhà thầu Trung Quốc không cung cấp đầy đủ các Hồ sơ tài liệu kỹ thuật đi kèm thiết bị theo quy định, làm khó khăn và ảnh hưởng đến việc nghiệm thu kỹ thuật và tiến độ lắp đặt và nghiệm thu để thanh toán.

## **II. Các thay đổi, điều chỉnh của Dự án và Hợp đồng thực hiện gói thầu số 8**

Do biến động trong quá trình thực hiện như nêu trên, trong quá trình thực hiện đã có các thay đổi, điều chỉnh như sau:

1. Điều chỉnh TMĐT: Đã được TKV thẩm duyệt tại quyết định số 1633/QĐ-TKV ngày 19/8/2015.

2. Điều chỉnh quy hoạch diện tích sử dụng đất: Theo yêu cầu của tỉnh Lào Cai và đã được UBND tỉnh Lào Cai phê duyệt tại Quyết định số 1043/QĐ-UBND ngày 21/5/2019.

3. Điều chỉnh diện tích sử dụng đất, vị trí một số hạng mục phụ trợ và TMB:

Do quy hoạch điều chỉnh, HĐQT Tổng công ty đã phê duyệt điều chỉnh diện tích sử dụng đất, vị trí một số hạng mục phụ trợ và TMB tại Quyết định số 1072/QĐ-VIMICO ngày 11/10/2019.

4. Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án:

- Điều chỉnh lần 1: Do tạm ngừng để thu hồi Apatit theo yêu cầu của UBND tỉnh Lào cai và được phê duyệt tại Văn bản chứng nhận thay đổi lần 1: Ngày 20/8/2018.

- Điều chỉnh lần 2: Do tạm ngừng để điều chỉnh Quy hoạch theo yêu cầu của UBND tỉnh Lào cai và được phê duyệt tại Văn bản chứng nhận thay đổi lần 2: Ngày 03/12/2019.

- Điều chỉnh lần 3: Do điều kiện bất khả kháng – Đại dịch Covid19, Thời gian thực hiện dự án đã được HĐQT Tổng công ty phê duyệt tại Quyết định số 797/QĐ-Vimico ngày 02/7/2020 và được UBND tỉnh Lào cai phê duyệt tại Văn bản chứng nhận thay đổi lần 3: Ngày 26/8/2020.

5. Các thay đổi, điều chỉnh Hợp đồng thực hiện Gói thầu số 8

| TT | Nội dung thay đổi / điều chỉnh                                   | Cấp thẩm duyệt | Thời gian duyệt                    | Lý do chính               |
|----|--|----------------|------------------------------------|---------------------------|
| 1  | Bổ sung, điều chỉnh Danh mục thiết bị và điều chỉnh Giá Hợp đồng |                |                                    | Sau khi TKKT, thay đổi TB |
|    | Phê duyệt chủ trương thay đổi                                    | HĐQT           | QĐ 1129/QĐ-Vimico ngày 20/11/2017  |                           |
|    | Phê duyệt KQ thương thảo thay đổi, bổ sung TB                    | HĐQT           | QĐ số 683/QĐ-Vimico ngày 22/5/2018 |                           |



| TT | Nội dung thay đổi / điều chỉnh   | Cấp thẩm duyệt | Thời gian duyệt                   | Lý do chính                               |
|----|--|----------------|-----------------------------------|---|
|    | Phụ lục điều chỉnh một số nội dung của hợp đồng thực hiện Gói thầu số 8 (Phụ lục số - điều chỉnh Hợp đồng số 266/2016/HĐ-VIMICO ký ngày 18/8/2016) | TGD            | Ngày 02/6/2018                    |   |
| 2  | <b>Gia hạn thời gian hoàn thành Lần 1</b>  |                |                                   | Cấp thẩm quyền YC Tạm dừng thu hồi Apatit |
|    | Phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện Hợp đồng số 266/2016/HĐ-VIMICO ngày 18/8/2016   | HĐQT           | Số 18/QĐ-VIMICO ngày 08/01/2019   |   |
|    | Phụ lục Điều chỉnh thời gian thực hiện hợp đồng số 266/2016/HĐ-VIMICO ký ngày 18/8/2016  | TGD            | 10/01/2019                        |   |
| 3  | <b>Điều chỉnh một số nội dung liên quan đến Nhà thầu phụ, thiết bị và Giá HĐ</b>   |                |                                   | Thầu phụ cung cấp thiết bị thay đổi       |
|    | Phê duyệt chủ trương thay đổi  | HĐQT           | Số 982b/QĐ-VIMICO ngày 9/9/19     |   |
|    | Phê duyệt dự toán điều chỉnh chi phí thiết bị  | HĐQT           | Số 1085/QĐ-VIMICO ngày 16/10/2019 |   |
|    | Phê duyệt điều chỉnh một số nội dung liên quan đến thiết bị  | HĐQT           | 1119/QĐ-VIMICO Ngày 31/10/2019    |   |
|    | Phụ lục số 2- Điều chỉnh Hợp đồng số 266/2016/HĐ-VIMICO ký ngày 18/8/2016  | TGD            | 31/10/2019                        |   |
| 4  | <b>Gia hạn thời gian hoàn thành Lần 2</b>  |                |                                   | Cấp thẩm quyền YC Điều chỉnh quy hoạch    |
|    | Phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện Hợp đồng số 266/2016/HĐ-VIMICO ngày 18/8/2016   | HĐQT           | Số 1350/QĐ-VIMICO ngày 23/12/2019 |   |
|    | Phụ lục Điều chỉnh thời gian thực hiện hợp đồng số 266/2016/HĐ-VIMICO ký ngày 18/8/2016  | TGD            | 10/01/2020                        |   |
| 5  | <b>Gia hạn thời gian hoàn thành Lần 3</b>  |                |                                   | Điều kiện BKK – Đại dịch Covid19          |
|    | Phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện Hợp đồng số 266/2016/HĐ-VIMICO ngày 18/8/2016   | HĐQT           | Số 9970/QĐ-VIMICO ngày 24/9/2020  |   |
|    | Phụ lục Điều chỉnh thời gian thực hiện hợp đồng số 266/2016/HĐ-VIMICO ký ngày 18/8/2016  | TGD            | 25/9/2020                         |   |
| 6  | <b>Điều chỉnh một số nội dung liên quan đến thiết bị và Giá HĐ</b>   |                |                                   | Do Dịch, không NK được TB từ EU/G7        |
|    | Phê duyệt chủ trương thay đổi  | HĐQT           | Số 140/QĐ-VIMICO ngày 05/02/2021  |   |
|    | Phê duyệt dự toán điều chỉnh chi phí thiết bị  | HĐQT           | Số 268/QĐ-VIMICO ngày 18/3/2021   |   |



| TT | Nội dung thay đổi / điều chỉnh  | Cấp thẩm duyệt | Thời gian duyệt                  | Lý do chính |
|----|---|----------------|----------------------------------|-------------|
|    | Phê duyệt điều chỉnh một số nội dung liên quan đến thiết bị               | HĐQT           | Số 137/QĐ-VIMICO ngày 05/02/2021 |             |
|    | Phụ lục số 5- Điều chỉnh Hợp đồng số 266/2016/HĐ-VIMICO ký ngày 18/8/2016 | TGD            |                                  |             |

Trên đây là báo cáo về tình hình thực hiện dự án đến thời điểm ngày 18/3/2021.

Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty Khoáng sản - TKV./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các thành viên HĐQT;
- BKS; BMRLĐ
- Lưu Thư ký, VP


  
 Nguyễn Văn Hải

